

## Bài 3

# **CSS – Casscading Style Sheets**

Nguyễn Trường Sơn – Lương Vĩ Minh

***Khoa CNTT – ĐH.KHTN***

## Nội dung

- Giới thiệu CSS
- Định nghĩa Style
- Sử dụng và Phân loại CSS
- Selector trong CSS và phạm vi ảnh hưởng

## Nội dung

- Giới thiệu CSS
- Định nghĩa Style
- Sử dụng và Phân loại CSS
- Selector trong CSS và phạm vi ảnh hưởng

## Giới thiệu về CSS

- CSS = Casscading Style Sheets
- Dùng để mô tả cách hiển thị các thành phần trên trang WEB
- Sử dụng tương tự như dạng TEMPLATE
- Có thể sử dụng lại cho các trang web khác
- Có thể thay đổi thuộc tính từng trang hoặc cả site nhanh chóng (cascading)

# Giới thiệu về CSS – Ví dụ 1

## THỂ GIỚI

Thứ ba, 24/2/2009, 11:08 GMT+7



**Triều Tiên tuyên bố sắp phóng vệ tinh**  
11:08 | 24/02/2009  
Binh Nhưỡng cho biết chuẩn bị phóng vệ tinh bằng tên lửa tự tạo, trong khi giới quan sát cho rằng đây có thể là vụ thử tên lửa tầm xa.  
> [Triều Tiên dọa chiến tranh với Hàn Quốc](#)



**Kẻ cướp xe buýt 13 tuổi làm đảo điên đường phố**  
11:07 | 24/02/2009  
Một cậu bé 13 tuổi đánh cắp một chiếc xe buýt ở Bắc Kinh, Trung Quốc, và lái điên loạn trên đường phố.



**Gương mặt mới của nhà tù khét tiếng Abu Graib**  
08:40 | 24/02/2009  
Nhà tù Abu Graib từng nổi tiếng khắp thế giới với những vụ lạm dụng tù nhân thời Saddam Hussein và thời Mỹ quản lý, nay được mở lại do chính phủ Iraq điều hành được trang bị cả phòng tập thể dục và khu vườn cây.

## THỂ THAO

Thứ ba, 24/2/2009, 15:04 GMT+7



**Inter - MU, phép thử cho liên pháp Mourinho**  
11:11 | 24/02/2009  
Cuộc đấu với các nhà ĐKVĐ châu Âu tại vòng 1/8 hôm nay là cơ hội để HLV người Bồ Đào Nha chứng tỏ ông đủ sức thực hiện sứ mạng cao cả - xóa bỏ những ký ức đen tối về thất bại của Inter tại Champions League nhiều năm qua.  
> [Dự đoán của Lippi về trận Inter - MU](#)



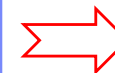
**Arsenal - Roma, đá bằng niềm tin**  
10:44 | 24/02/2009  
Không có nhiều lựa chọn vì hiện đều thất thế tại giải quốc nội, cả Arsenal lẫn Roma hiểu rằng Champions League có thể là cái phao cứu sinh duy nhất.



**Cristiano Ronaldo: 'Tiêu diệt hay bị tiêu diệt'**  
08:24 | 24/02/2009  
Siêu sao của MU lên gân cốt trước cuộc chiến ở lượt đi vòng 16 đội Champions League, gặp Inter tối nay.  
> [Lịch đấu Champions League](#)

Diagram illustrating the reuse of CSS styles across multiple web pages. Red lines connect the same style elements (like the green border and padding) from the 'THỂ GIỚI' and 'THỂ THAO' sections to a central point, indicating that these styles are shared and applied consistently across different content areas.

Một style xuất hiện nhiều nơi trên trang một / nhiều trang web

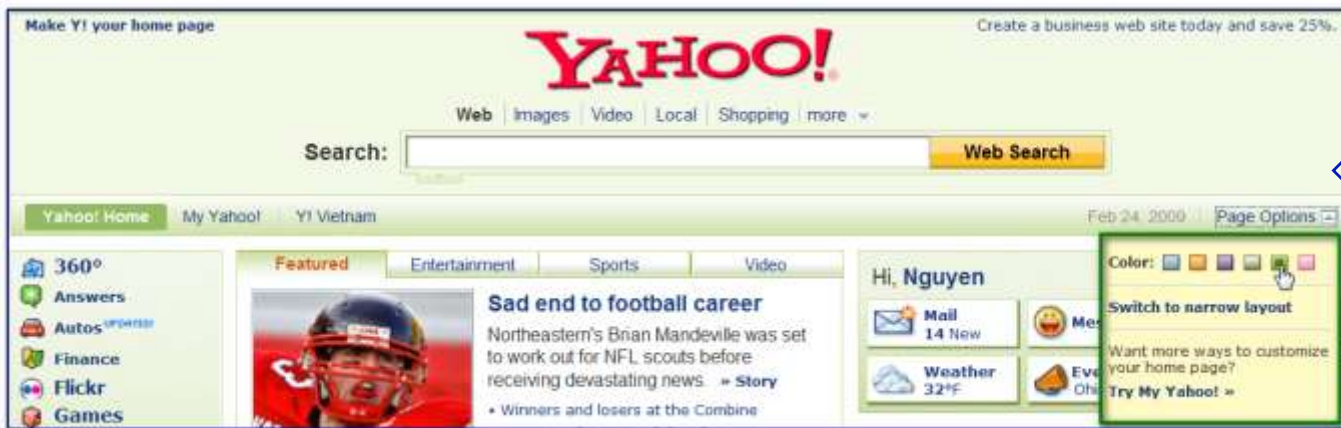


CSS

## Giới thiệu về CSS – Ví dụ 2

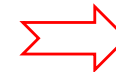


Style hồng



Style xanh

Thay đổi cách trình bày của toàn bộ trang web

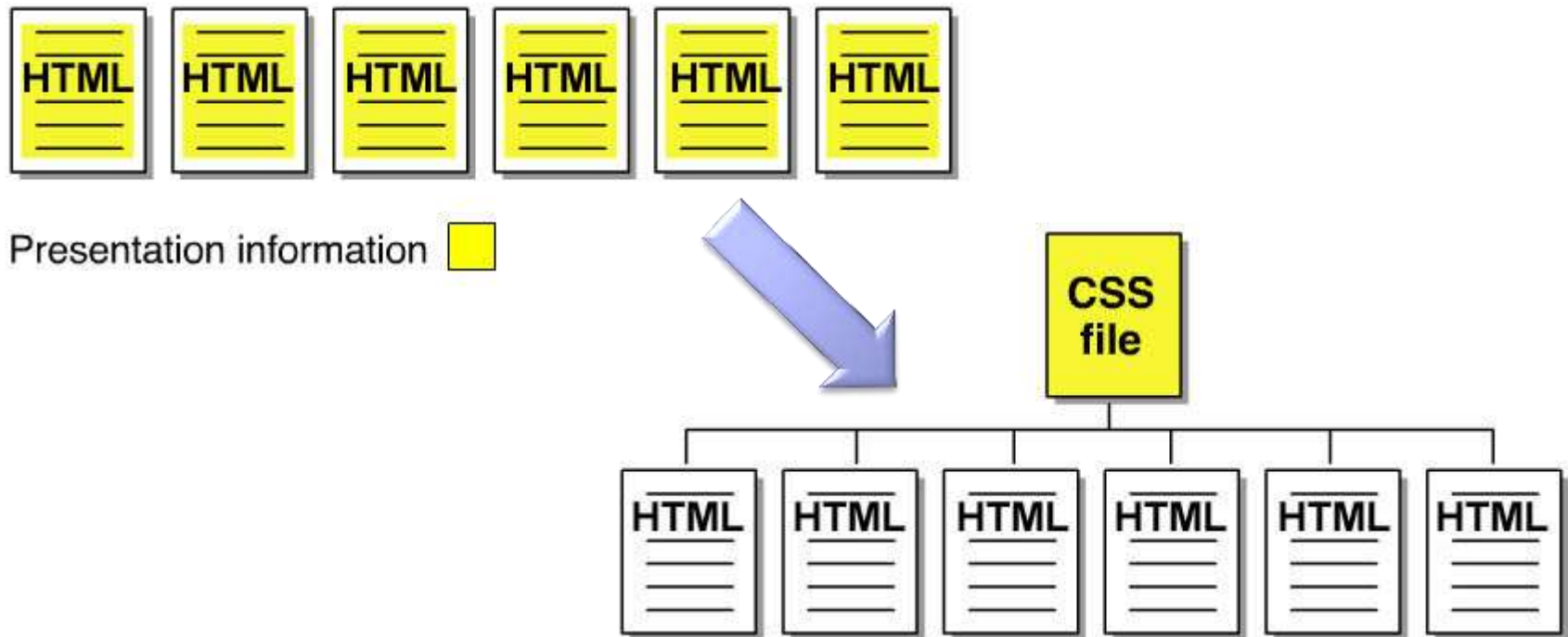


CSS



## Giới thiệu CSS

- Ý tưởng của CSS: Tách rời phần nội dung khỏi phần hiển thị của một trang web



## Một số lợi ích khi sử dụng CSS

- Độc lập thành phần nội dung với thành phần trình bày của một trang web
- Việc viết code cho trang web trở nên dễ dàng
- Dễ dàng để tạo nên sự thay đổi giao diện cho toàn bộ các trang web (**site-wide changes**)
- Việc hiển thị (download) trang web sẽ nhanh hơn
- Dễ dàng cho phép người sử dụng customize thành style mong muốn (style swichers)



## Nội dung

- Giới thiệu CSS
- Định nghĩa Style
- Sử dụng và Phân loại CSS
- Selector trong CSS và phạm vi ảnh hưởng

## Định nghĩa style - Kiểu 1

- Định nghĩa và sử dụng trực tiếp trong các thẻ HTML
- Cú pháp:

```
<tag style = "property1: value1;  
              property2: value2;  
              .....           "> Dữ liệu
```

```
</tag>
```

Trong đó: **tag** : thẻ HTML

**property1, property2, ...**: thuộc tính

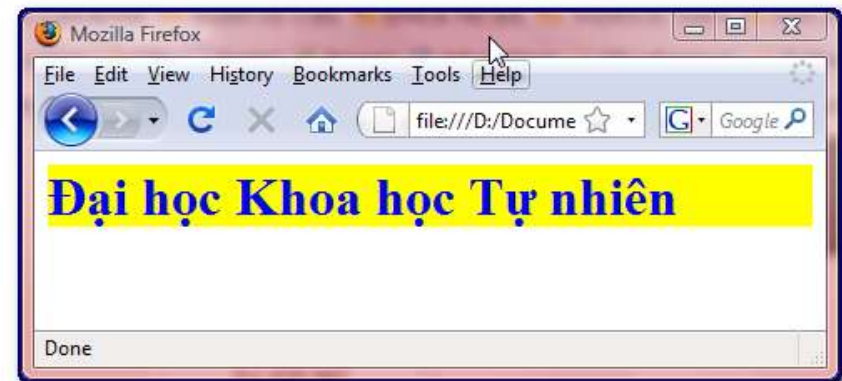
**value1, value2, ...**: giá trị của thuộc tính

## Định nghĩa style - Kiểu 1 - Ví dụ

### HTML

```
<html>↓
<body>↓
  <h1 style="background-color:yellow;↓
        color:blue;↓
        font-weight:bold;">↓
    Đại học Khoa học Tự nhiên
  </h1>↓
</body>↓
</html>↓
```

### Browser



## Định nghĩa style - Kiểu 2

### Khai báo

```
selector_name {  
    property1: value1 ;  
    property2: value2 ;  
    ...  
}
```

- **selector\_name**: quy định phạm vi ảnh hưởng của style.
- **property1, property1** : thuộc tính
- **value1, value2** : giá trị

### Sử dụng

- Tùy loại của **selector\_name** mà có cách sử dụng khác nhau.

- Ví dụ:

```
<tag  
    class="selector_name">  
    ...  
</tag/>
```

# Định nghĩa style - Kiểu 2- Một ví dụ

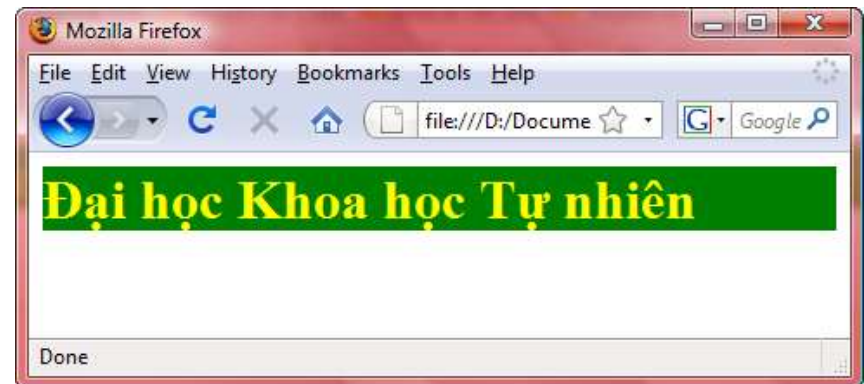
## HTML

```

<html>↓
<head>↓
  <style type="text/css">↓
    .TieuDe1↓
    {↓
      background-color:green;↓
      color:yellow;↓
      font-weight:bold;↓
    }↓
  </style>↓
</head>↓
<body>↓
  <h1 class="TieuDe1">↓
    Đại học Khoa học Tự nhiên
  </h1>↓
</body>↓
</html>↓

```

## Browser



## Định nghĩa Style – Ghi chú

- Giống ghi chú trong C++
- Sử dụng: `/*Ghi chu */`
- Ví dụ :

`.TieuDe1`

`{`

`background-color: green; /*nền màu xanh */`

`color: yellow; /*chữ màu vàng */`

`font-weight: bold; /*chữ đậm */`

`}`

## Nội dung

- Giới thiệu CSS
- Định nghĩa Style
- Sử dụng và Phân loại CSS
- Selector trong CSS và phạm vi ảnh hưởng



## Sử dụng và Phân loại CSS – Phân loại

- Gồm 3 loại CSS
  - Inline Style Sheet (Nhúng CSS vào tag HTML)
  - Embedding Style Sheet (Nhúng CSS vào trang web)
  - External Style Sheet (Liên kết CSS với trang web)

## Sử dụng và Phân loại CSS - Inline Style Sheet

- Định nghĩa style trong thuộc tính style của từng **tag HTML**.
- Theo cú pháp **kiểu 1**.
- Không sử dụng lại được.

```
<html>↓
<body>↓
  <h1 style="background-color:green;
    color:yellow; ↓
    font-weight:bold;">↓
    Đại học Khoa học Tự nhiên
  </h1>↓
</body>↓
</html>↓
```

## Sử dụng và Phân loại CSS - Embedding Style Sheet

- Còn gọi là **Internal Style Sheet** hoặc **Document-Wide Style Sheet**
- Mọi định nghĩa type nằm trong tag `<style>` của trang HTML.
- Định nghĩa style theo cú pháp **kiểu 2**.
- Trang HTML có nội dung như sau:

`<head>`

`<style type="text/css" media="all | print | screen" >`

*style rules*

*style rules*

`</style>`

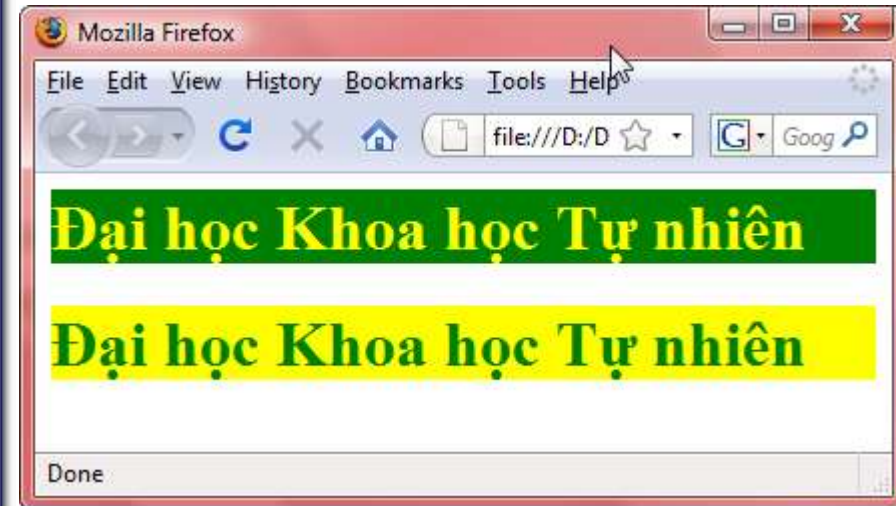
`</head>`

## Embedding Style Sheet - Ví dụ

```

<html>↓
<head>↓
  <style type="text/css">↓
    .TieuDe1↓      I
    {↓
      background-color:green; /*nền màu xanh */↓
      color:yellow; /*chữ; màu vàng */↓
    }↓
    .TieuDe2↓
    {↓
      background-color:yellow; /*nền màu xanh */↓
      color:green; /*chữ; màu vàng */↓
    }↓
  </style>↓
</head>↓
<body>↓
  <h1 class="TieuDe1">Đại học Khoa học Tự nhiên </h1>
  <h1 class="TieuDe2">Đại học Khoa học Tự nhiên </h1>
</body>↓
</html>↓

```



## Sử dụng và Phân loại CSS - External Style Sheet

- Mọi style đều lưu trong file có phần mở rộng là **\*.CSS**.
- File CSS: lưu trữ nhiều style theo cú pháp **kiểu 2**.

- Trong file HTML: liên kết bằng tag **link**. Cú pháp:

**<head>**

**<link rel="stylesheet" href="URL" type="text/css">**

**</head>**

- Trang HTML : Liên kết bằng tag **style** với **@import url**. Cú pháp

**<head>**

**<style type="text/css" media="all | print | screen" >**

**@import url(URL);**

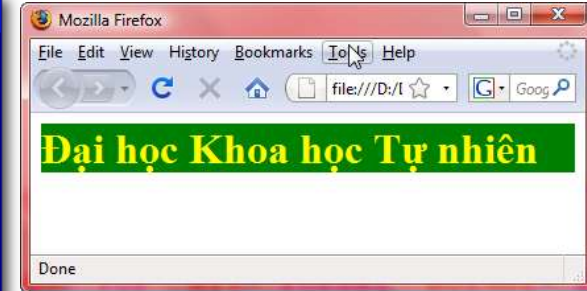
**</style>**

**</head>**

# External Style Sheet - Ví dụ

mystyle.css

```
.TieuDe1↓
{↓
    background-color:green; /*nền màu xanh */↓
    color:yellow; /*chữ; màu vàng */↓
}↓
```



Sample1.html

```
<html>↓
<head>↓
    <link rel="stylesheet" ↓
        href="mystyle.css" ↓
        type="text/css">↓
</head>↓
<body>↓
    <h1 class="TieuDe1">↓
        Đại học Khoa học Tự nhiên
    </h1>↓
</body>↓
</html>↓
```

Sample2.html

```
<html>↓
<head>↓
    <style type="text/css" media="all">↓
        @import url("mystyle.css");↓
    </style>↓
</head>↓
<body>↓
    <h1 class="TieuDe1">↓
        Đại học Khoa học Tự nhiên
    </h1>↓
</body>↓
</html>↓
```

# Sử dụng và Phân loại CSS – So sánh, Đánh giá

	Inline Style Sheet	Embedding Style Sheet	External Style Sheet
Khai báo	Kiểu 1	Kiểu 2	Kiểu 2
Cú pháp sử dụng	<pre>&lt;p style="color:red;"&gt;   Test &lt;/p&gt;</pre>	<pre>&lt;style type="text/css"&gt; .TieuDe1{color: red;} &lt;/style&gt; &lt;p class="TieuDe1"&gt;   Test &lt;/p&gt;</pre>	<pre>&lt;link rel="stylesheet " href="main.css" /&gt;  &lt;p class="TieuDe1"&gt;   Test &lt;/p&gt;</pre>
Ưu điểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dễ dàng quản lý Style theo từng tag của tài liệu web.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dễ dàng quản lý Style theo từng tài liệu web.</li> <li>• Không cần tải thêm các trang thông tin khác cho style</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có thể thiết lập Style cho nhiều tài liệu web.</li> <li>• Thông tin các Style được trình duyệt cache lại</li> </ul>
Khuyết điểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần phải Khai báo lại thông tin style trong từng tài liệu Web và các tài liệu khác một cách thủ công.</li> <li>• Khó cập nhật style</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần phải khai báo lại thông tin style cho các tài liệu khác trong mỗi lần sử dụng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tốn thời gian download file *.css và làm chậm quá trình biên dịch web ở trình duyệt trong lần đầu sử dụng</li> </ul>



# Sử dụng CSS

mystyle.css

```
.TieuDe1↓  
{↓  
    background-color:green; /*nền màu xanh */  
}↓
```

Sample1.html

```
<html>↓  
<head>↓  
    <link rel="stylesheet" href="mystyle.css" type="text/css">  
    <style type="text/css" media="all">↓  
        .TieuDe1↓  
        {↓  
            background-color:blue;↓  
        }↓  
    </style>↓  
</head>↓  
<body>↓  
    <h1 class="TieuDe1" style="background-color:red;">↓  
        Đại học Khoa học Tự nhiên ↓  
    </h1>↓  
</body>↓  
</html>↓
```

Đại học Khoa học Tự nhiên

Đại học Khoa học Tự nhiên

Đại học Khoa học Tự nhiên

Màu nào đây ?

# Sử dụng CSS

mystyle.css

```
.TieuDe1↓  
{↓  
    background-color:green; /*nền màu xanh */  
}↓
```

Sample1.html

```
<html>↓  
<head>↓  
    <link rel="stylesheet" href="mystyle.css" type="text/css">  
    <style type="text/css" media="all">↓  
        .TieuDe1↓  
        {↓  
            background-color:blue;↓  
        }↓  
    </style>↓  
</head>↓  
<body>↓  
    <h1 class="TieuDe1">↓  
        Đại học Khoa học Tự nhiên ↓  
    </h1>↓  
</body>↓  
</html>↓
```

Đại học Khoa học Tự nhiên

Đại học Khoa học Tự nhiên

## Sử dụng và Phân loại CSS – Độ ưu tiên

- Thứ tự ưu tiên áp dụng định dạng khi sử dụng các loại CSS (độ ưu tiên giảm dần) :
  1. Inline Style Sheet
  2. Embedding Style Sheet (Internal Style Sheet)
  3. External Style Sheet
  4. Browser Default

PriorityCSS.css

```

1  .MyExColor {
2      Color : Red;
3  }
4
5  div {
6      font-size:36px;
7  }

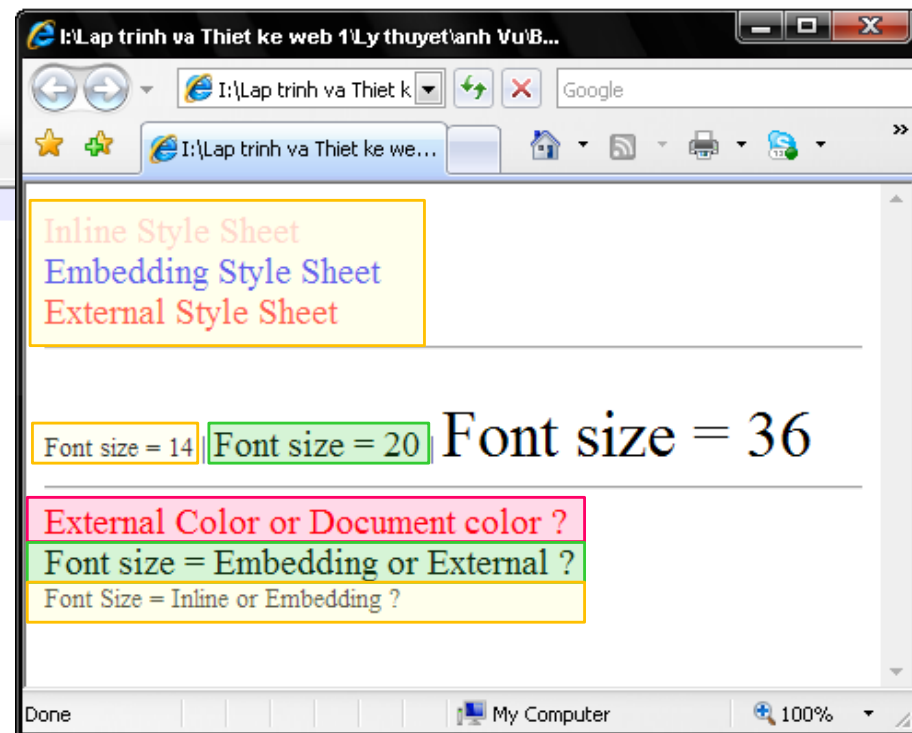
```

priorityCSS.htm

```

1  <html>
2  <head>
3      <link rel="stylesheet" href="PriorityCSS.css" />
4
5      <style type="text/css">
6          .MyEmColor{
7              color:blue;
8          }
9          div{
10             font-size:20px;
11         }
12     </style>
13 </head>
14
15 <body>
16     <div style="color:pink"> Inline Style Sheet </div>
17     <div class="MyEmColor"> Embedding Style Sheet </div>
18     <div class="MyExColor"> External Style Sheet </div>
19     <hr>
20     <p>
21         <font style="font-size:14px">Font size = 14 </font> |
22         <font style="font-size:20px">Font size = 20 </font> |
23         <font style="font-size:36px">Font size = 36</font>
24     </p>
25     <div style="color:blue">
26         <div class="MyExColor"> External Color or Document color ? </div>
27     </div>
28
29     <div> Font size = Embedding or External ? </div>
30     <div style="font-size:14px"> Font Size = Inline or Embedding ? </div>
31 </body>
32 </html>

```



## Nội dung

- Giới thiệu CSS
- Định nghĩa Style
- Sử dụng và Phân loại CSS
- Selector trong CSS và phạm vi ảnh hưởng

# Selector

- Là tên 1 style tương ứng với một thành phần được áp dụng định dạng
- Các dạng selectors
  - HTML element selectors
  - Class selectors
  - ID selectors
  - ....

## Selector trong CSS - Element (1)

### Khai báo

```
tag_name {  
    property1: value1 ;  
    property2: value2 ;  
    ...  
}
```

- **tag\_name**: tên các thẻ HTML
- Ví dụ:  

```
h1 {  
    background-color: green;  
}
```

### Sử dụng

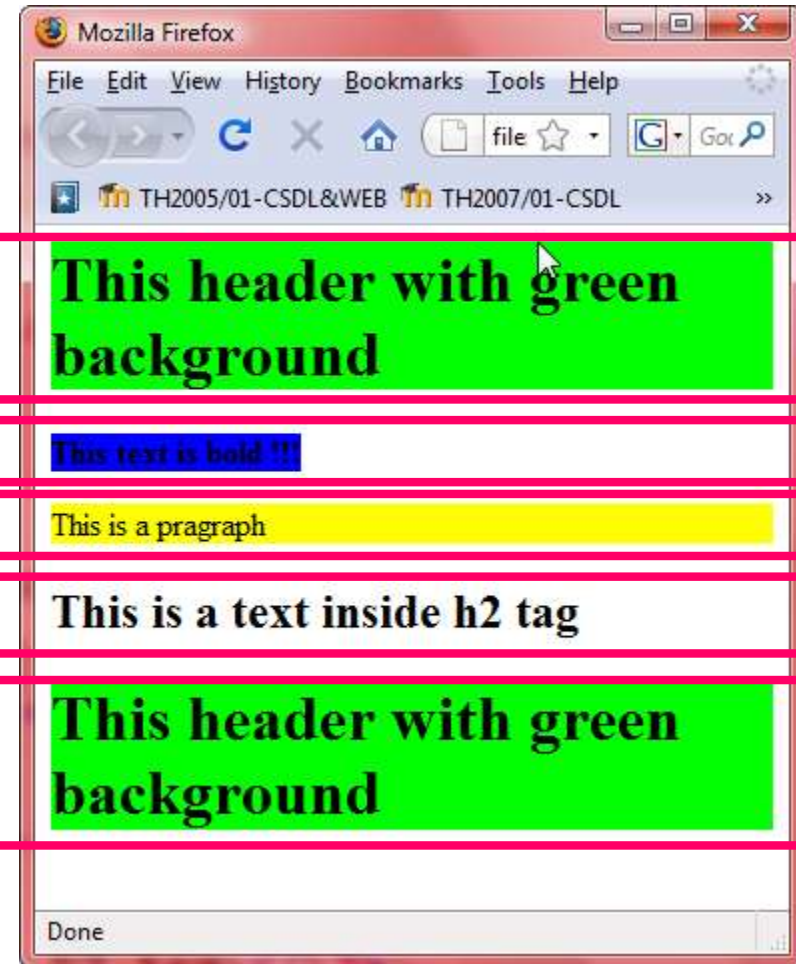
- Style sẽ có hiệu ứng trên tất cả các thẻ **tag\_name**



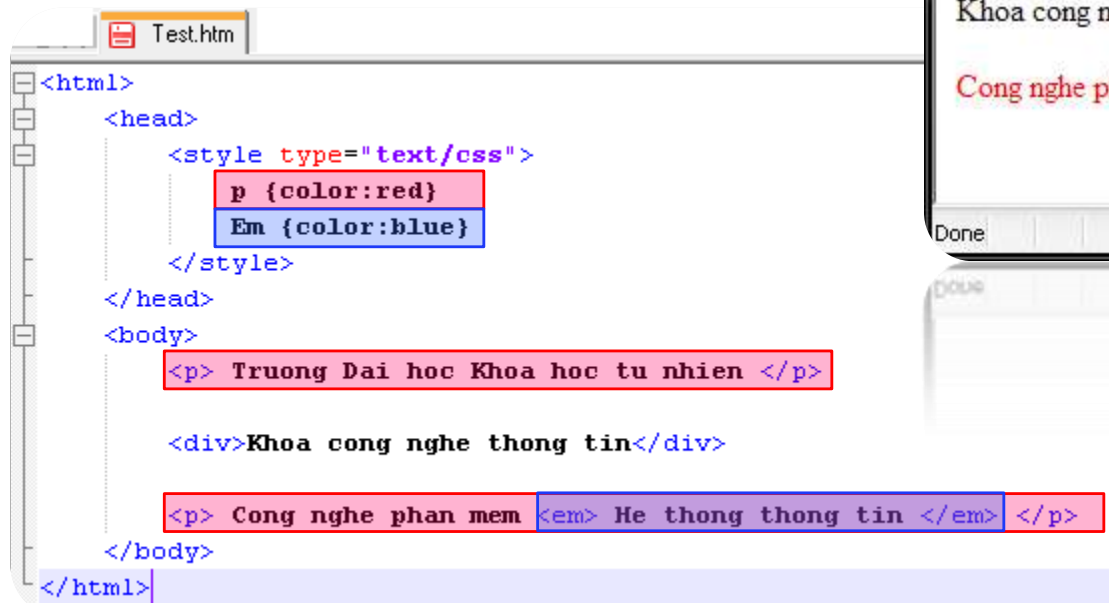
# Selector trong CSS - Element

```

<html>↓
<head> ↓
  <style type="text/css" media="all">↓
    b { background-color:blue; } ↓
    h1{ background-color:#00FF00; } ↓
    p { background-color:yellow; }↓
  </style>↓
</head>↓
<body>↓
  <h1>This header with green background </h1>
  ↓
  <b>This text is bold !!! </b>↓
  ↓
  <p>This is a pragraph</p>↓
  ↓
  <h2>This is a text inside h2 tag </h2>↓
  ↓
  <h1>This header with green background </h1>
</body>↓
</html>↓
  
```



# Selector trong CSS - Element



```
<html>
<head>
  <style type="text/css">
    p {color:red}
    Em {color:blue}
  </style>
</head>
<body>
  <p> Truong Dai hoc Khoa hoc tu nhien </p>

  <div>Khoa cong nghe thong tin</div>

  <p> Cong nghe phan mem <em> He thong thong tin </em> </p>
</body>
</html>
```



## Selector trong CSS - ID rules (2)

### Khai báo

```
#id {  
    property1: value1;  
    property2: value2; ...  
}
```

- **id**: giá trị id của một thẻ muốn áp dụng style

- Ví dụ:

```
#title {  
    background-color: green;  
}
```

### Sử dụng

- Style sẽ có hiệu ứng trên tất cả các thẻ mà có giá trị của thuộc tính **id = id**.
- Muốn sử dụng thì phải khai báo giá trị cho thuộc tính **id** của thẻ.
- Giá trị của id thường duy nhất

- Ví dụ:

```
<div id="title">  
    .....  
</div>
```

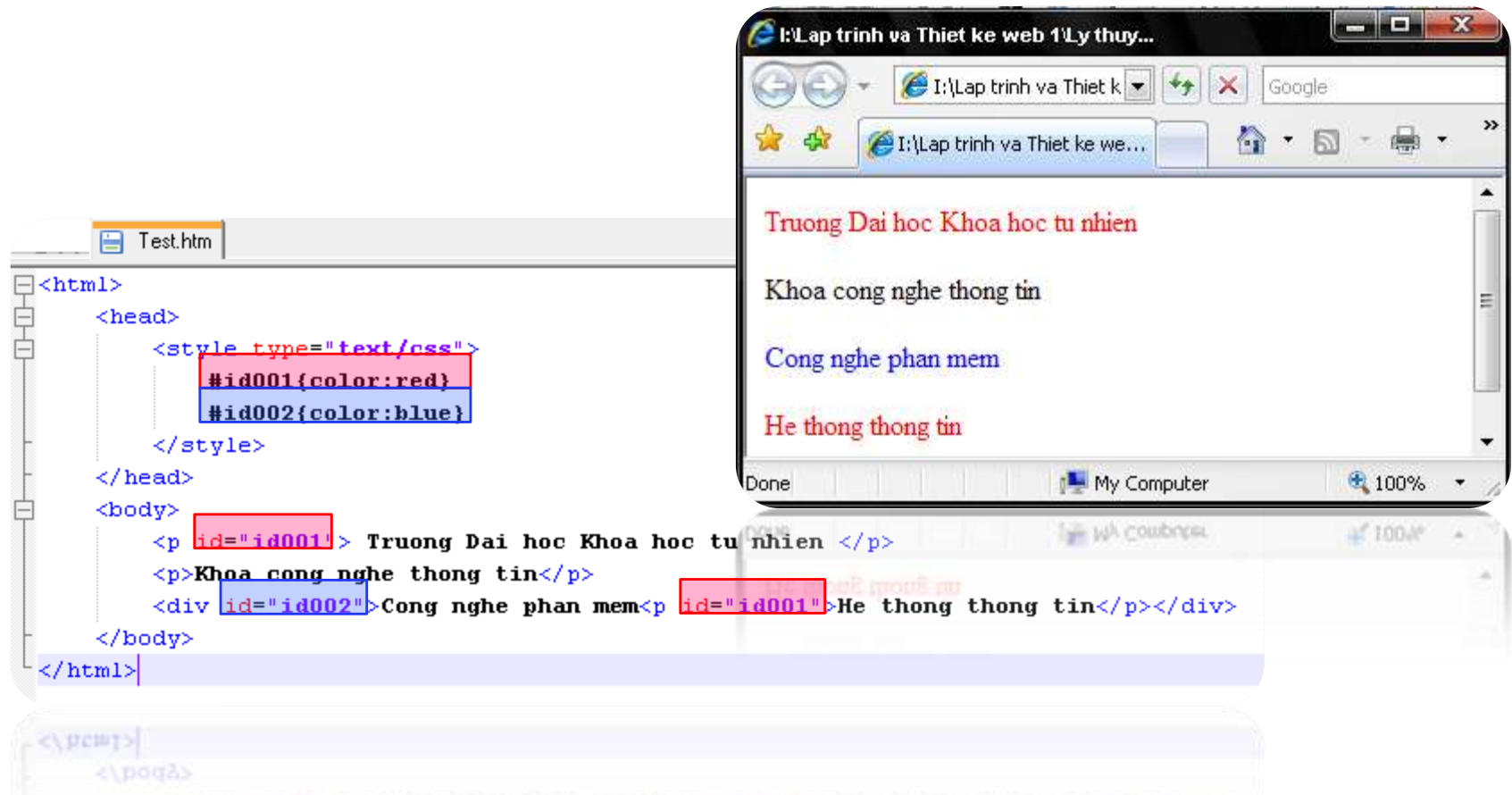
# Selector trong CSS - ID rules

```

<html>↓
<head> ↓
  <style type="text/css" media="all">↓
    #paragraph2 {background-color:blue; } ↓
    #header1 { background-color:#00FF00; } ↓
    #paragraph1 { background-color:yellow;}↓
  </style>↓
</head>↓
<body>↓
  <p id="paragraph1">This is pragraph 1</p>↓
  ↓
  <h2 id="header2">This is a text inside h2 tag </h2>↓
  ↓
  <h1 id="header1">This header with green background </h1>↓
  ↓
  <p id="paragraph2">This is paragraph 2</p>↓
</body>↓
</html>↓
  
```



# Selector trong CSS – ID rules



## Selector trong CSS - Class rules

### Khai báo

```
.class_name{  
    property1: value1;  
    property2: value2; ...  
}
```

#### – Ví dụ:

```
.bkgr_style{  
background-color:green;  
}
```

### Sử dụng

– Stlye sẽ được áp dụng trên tất cả các thẻ mà có giá trị của thuộc tính **class** = **class\_name**.

#### – Ví dụ:

```
<p class="bkgr_style">  
    . . . . .  
</p>
```

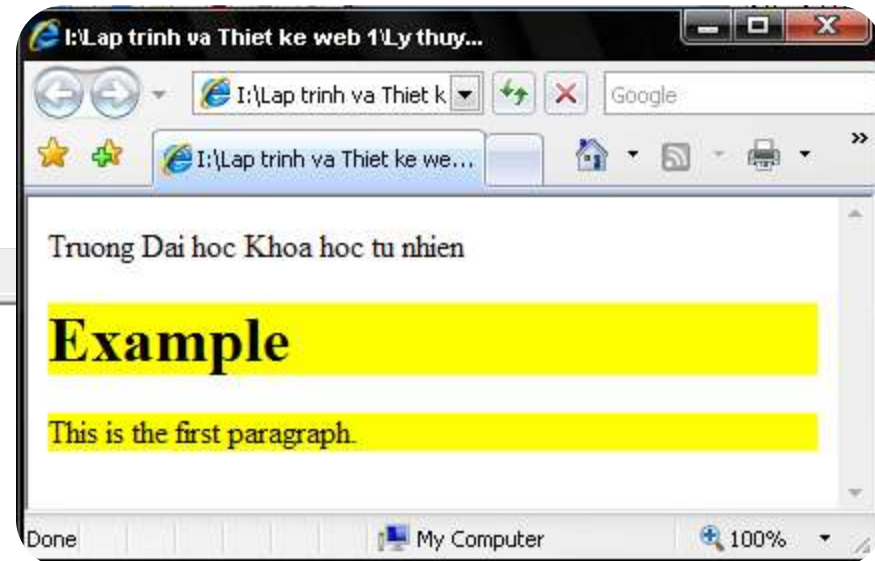
## Selector trong CSS – Class rules

- Có hiệu ứng trên tất cả các loại tag có cùng giá trị thuộc tính **class**.
- Ví dụ :

```

<html>
<head>
  <style type="text/css">
    .veryimportant {background-color: yellow;}
  </style>
</head>
<body>
  <p id="id001"> Truong Dai hoc Khoa hoc tu nhien </p>
  <h1 class="veryimportant">Example</h1>
  <p class="veryimportant">This is the first paragraph.</p>
</body>
</html>

```



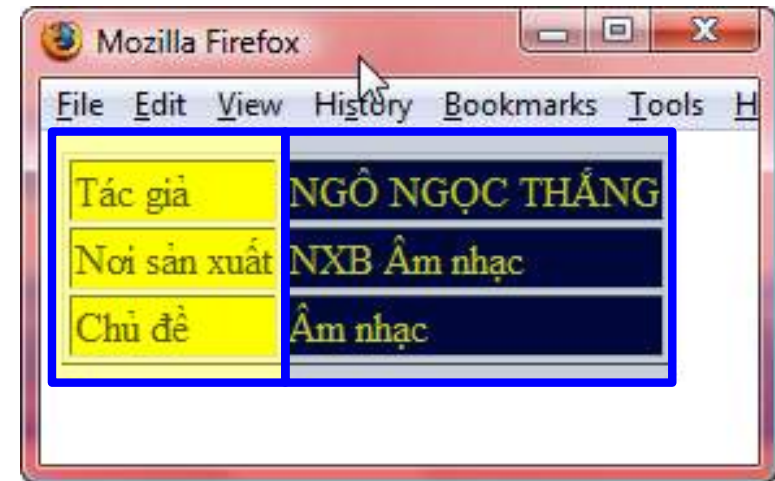


# Selector trong CSS – Class rules

```

<html>↓
<head> ↓
  <style type="text/css" media="all">↓
    .title {background-color:yellow}↓
    .value {background-color:#000033; color:yellow}↓
  </style>↓
</head>↓
<body>↓
  <table border="1">↓
    <tr>↓
      <td class="title"> Tác giả </td>↓
      <td class="value"> NGÔ NGỌC THẮNG </td>↓
    </tr>↓
    <tr>↓
      <td class="title"> Nơi sản xuất </td>↓
      <td class="value"> NXB Âm nhạc </td>↓
    </tr>↓
    <tr>↓
      <td class="title"> Chủ đề </td>↓
      <td class="value"> Âm nhạc </td>↓
    </tr>↓
  </table>↓
</body>↓
</html>

```



# Selector trong CSS - Kết hợp Element và Class

## Khai báo

```
tag_name .class_name {  
    property1: value1;  
    property2: value2; ...  
}
```

– Ví dụ:

```
h1.veryimportant {  
    background-  
    color:yellow;  
}
```

## Sử dụng

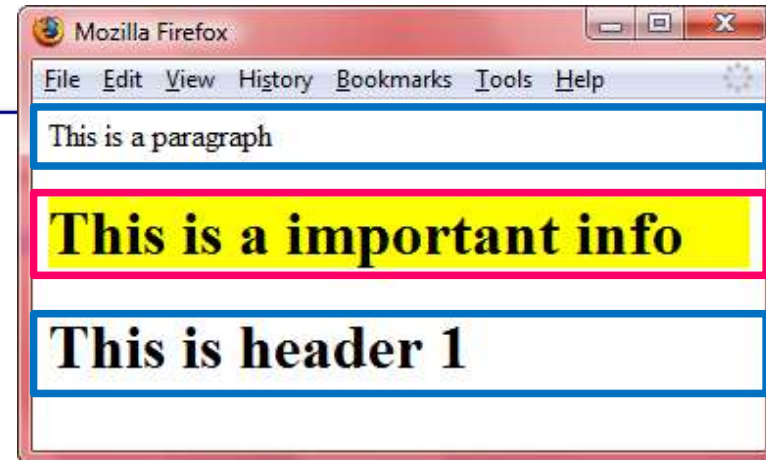
– Style sẽ được áp dụng cho các thẻ có tên là **tag\_name** đồng thời giá trị của thuộc tính class = **class\_name**

– Ví dụ:

```
<h1  
class="veryimportant">  
.....  
</h1>
```

# Selector trong CSS – Kết hợp Element và Class

```
<html>↓  
<head> ↓  
  <style type="text/css" media="all">↓  
    h1.veryimportant {background-color:yellow}  
  </style>↓  
</head>↓  
<body>↓  
  <p class="veryimportant">This is a paragraph </p>↓  
  ↓  
  <h1 class="veryimportant">This is an important info</h1>  
  ↓  
  <h1>This is header 1 </h1> ↓  
</body>↓  
</html>
```



# Selector trong CSS - Contextual Selection

## Khai báo

```
tag1 tag2 {  
    property1: value1;  
    property2: value2; ...  
}
```

– Ví dụ:

```
div b {  
    background-color:  
        yellow;  
}
```

## Sử dụng

– Style sẽ được áp dụng nếu nội dung nằm trong các thẻ lồng nhau theo đúng thứ tự tag1 → tag2

– Ví dụ:

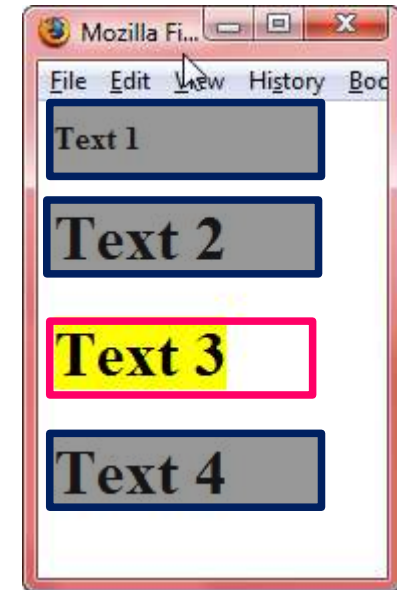
```
<div>  
    <b>  
        ....  
    </b>  
</div>
```

# Selector trong CSS - Contextual Selection

```

<html>↓
<head> ↓
    <style type="text/css" media="all">
        h1 b {background-color:yellow}
    </style>↓
</head>↓
<body>↓
    <b>Text 1</b> ↓
    ↓
    <b><h1>Text 2 </h1></b> ↓
    ↓
    <h1><b>Text 3 </b></h1>↓
    ↓
    <h1>Text 4</h1>↓
</body>↓
</html>

```

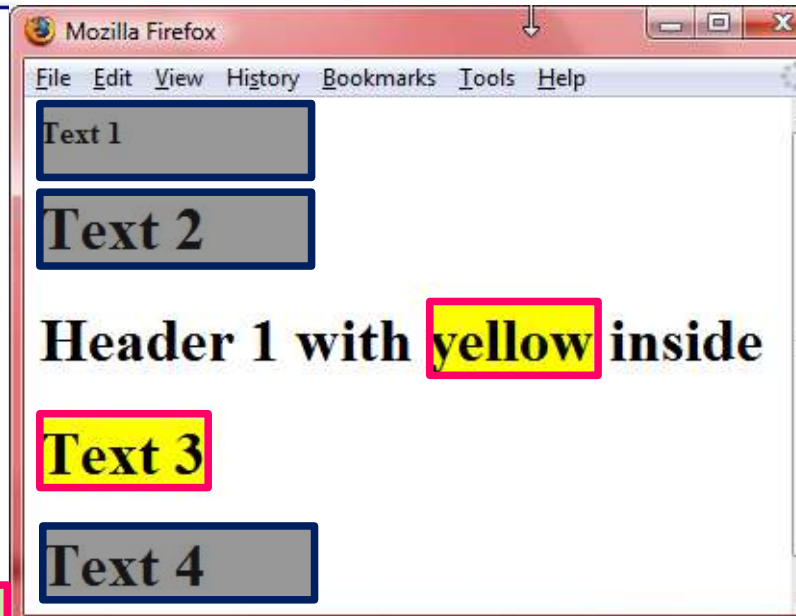


# Selector trong CSS - Contextual Selection

```

<html>↓
<head> ↓
  <style type="text/css" media="all">↓
    h1 b {background-color:yellow}
  </style>↓
</head>↓
<body>↓
  <b>Text 1</b> ↓
  <b><h1>Text 2 </h1></b> ↓
  <h1>Header 1 with <b>yellow</b> inside</h1>
  <h1><b>Text 3</b></h1>
  <h1>Text 4</h1>↓
</body>↓
</html>

```

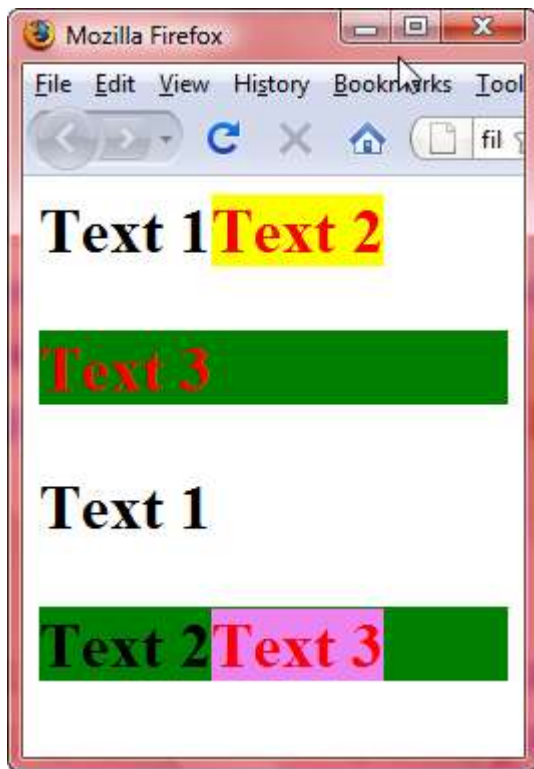


# Selector trong CSS - Contextual Selection - phức tạp

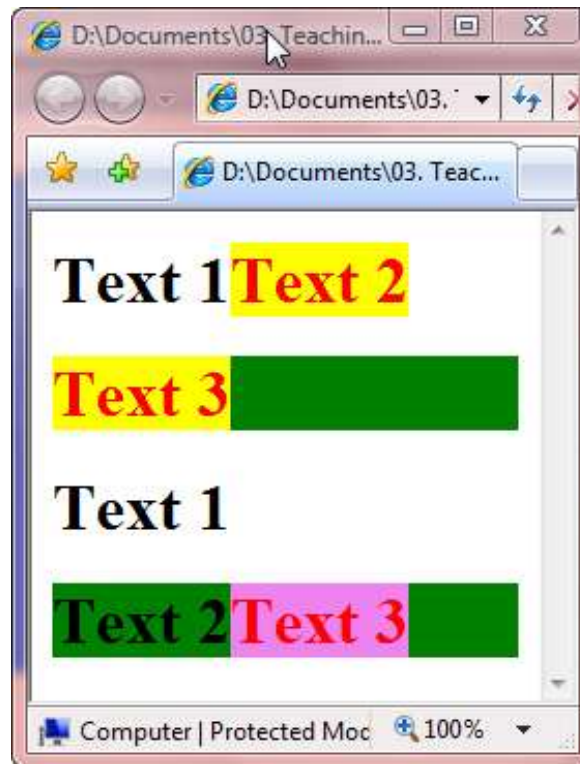
```

<html>↓
<head> ↓
    <style type="text/css" media="all">↓
        h1 b {background-color:yellow; color:red}
        h1 p {background-color:green} ↓
        h1 p b {background-color:violet}
    </style>↓
</head>↓
<body>↓
    <h1>Text 1<b>Text 2<p>Text 3</p></b></h1>
    <h1>Text 1<p>Text 2<b>Text 3</b></p></h1>↓
</body>↓
</html>←
  
```

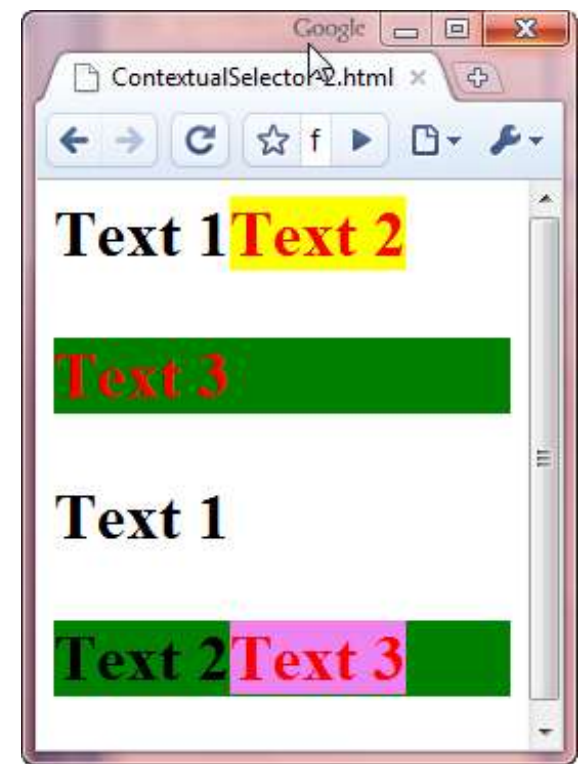
## Selector trong CSS - Contextual Selection - phức tạp



Firefox



Internet Explorer



Chrome



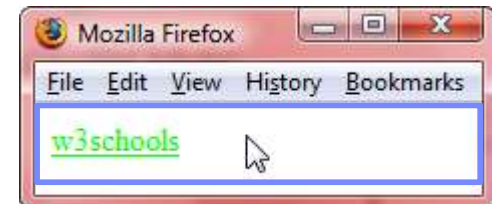
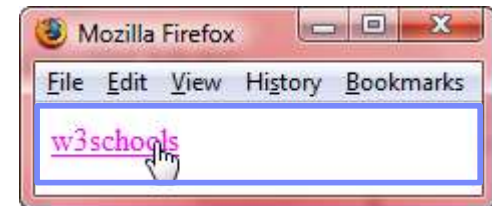
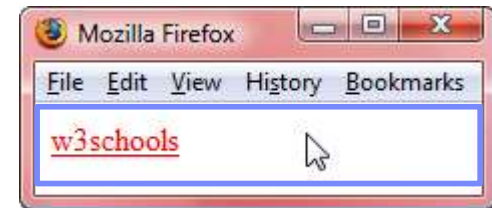
## Selector trong CSS – Pseudo Class

- Định dạng dựa vào trạng thái của liên kết, sự kiện chuột.
- Có thể kết hợp với Selector khác.

```

<html>↓
<head> ↓
  <style type="text/css" media="all">↓
    a:link {color: #FF0000} /* unvisited link */↓
    a:visited {color: #00FF00} /* visited link */↓
    a:hover {color: #FF00FF} /* mouse over link */↓
    a:active {color: #0000FF} /* selected link */↓
  </style>↓
</head>↓
<body> ↓
  <a class="red" ↓
    href="http://www.w3schools.com">↓
    w3schools↓
  </a>↓
</body>↓
</html>

```



# Selector trong CSS - Pseudo classes

```
<html>↓
<head> ↓
  <style type="text/css" media="all">↓
    h1:hover {color: #FF00FF}    /* mouse over */
    h1:active {color: #0000FF}   /* selected */
  </style>↓
</head>↓
<body> ↓
  <h1>This is header 1</h1>↓
</body>↓
</html>↓
```



## Selector trong CSS – Pseudo Element

- Định dạng cho ký tự đầu tiên, cho dòng văn bản đầu tiên
- :first-letter, :first-line
- Có thể kết hợp với Selector khác.

```
1 <html>
2   <head>
3     <style type="text/css">
4       div:first-line { font-variant: small-caps }
5     </style>
6   </head>
7   <body>
8
9     <div>The first line of an article in Newsweek.</div>
10
11   </body>
12 </html>
```

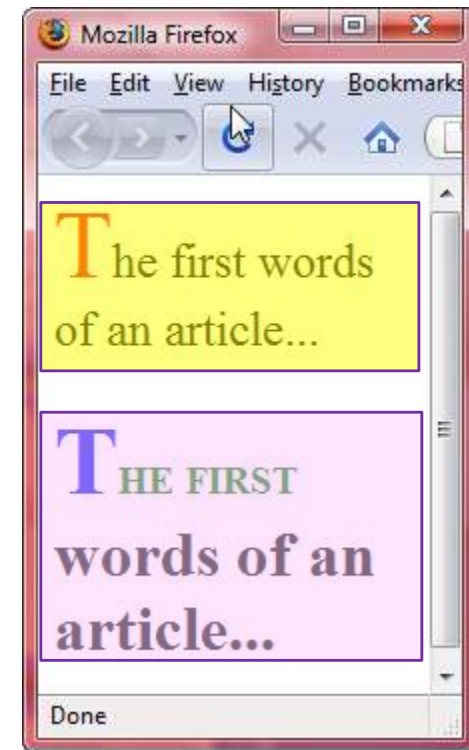
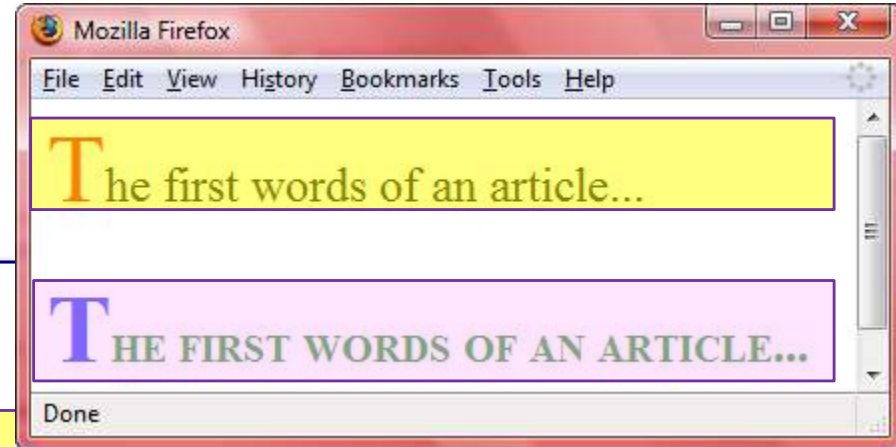


# Ví dụ

```

<html>↓
<head> ↓
  <style type="text/css" media="all">↓
    p {font-size: 18pt}↓
    p:first-letter {color:#ff0000;font-size:36pt}↓
    h1:first-letter {color:blue;font-size:36pt}↓
    h1:first-line {↓
      color:green;↓
      font-size:19pt;↓
      font-variant:small-caps}↓
  </style>↓
</head>↓
<body> ↓
↓
<p>The first words of an article...</p>↓
↓
<h1>The first words of an article...</h1>↓
</body>↓
</html>

```



# Selector trong CSS – Pseudo Element

```
1 <html>
2   <head>
3     <style type="text/css">
4       P {font-size: 12pt; line-height: 12pt }
5       P:first-letter {font-size: 200%; float: left }
6       SPAN {text-transform: uppercase }
7     </style>
8   </head>
9   <body>
10
11     <P>
12       <SPAN>
13         <P>T</P>he first
14       </SPAN>
15       few words of an article in the Economist.
16     </P>
17
18   </body>
19 </html>
```



# Selector trong CSS

Loại	Mô tả phạm vi ảnh hưởng	Ví dụ
<b>element</b>	Định dạng áp dụng cho ND tất cả các tag <b>Element</b> trong tài liệu Web	<b>h1 {color: red;}</b> /* ND của thẻ <h1> bị định dạng màu chữ=đỏ */
<b>#id</b>	Định dạng áp dụng cho ND tất cả các tag có thuộc tính <b>id</b> trong tài liệu Web	<b>#test {color: green;}</b> /* ND của bất kỳ tag có thuộc tính id=test đều bị định dạng màu chữ=xanh lá */
<b>.class</b>	Định dạng áp dụng cho ND tất cả các tag có thuộc tính <b>class</b> trong tài liệu Web	<b>.note {color: yellow;}</b> /* ND của bất kỳ tag có thuộc tính class=note đều bị định dạng màu chữ=vàng */
<b>element . class</b>	Định dạng áp dụng cho ND các tag <b>Element</b> có thuộc tính <b>class</b> tương ứng	<b>h1.note {text-decoration: underline;}</b> /* ND của các thẻ <h1> có thuộc tính class=note đều bị định dạng gạch chân */
<b>Grouping</b>	Định dạng áp dụng cho ND một nhóm các tag trong tài liệu.	<b>h1,h2,h3 {background-color: orange;}</b> /* ND của các thẻ <h1> <h2> <h3> đều bị định dạng màu nền = màu cam */
<b>Contextual</b>	Định dạng áp dụng cho ND các thẻ được lồng trong một thẻ cha nào đó	<b>p strong {color: purple;}</b> /* ND của các thẻ <strong> nằm trong thẻ <p> đều bị định dạng màu chữ=màu tím */
<b>Pseudo Class Pseudo element</b>	Định dạng được áp dụng dựa vào trạng thái của các Element. (Không xuất hiện trong mã lệnh HTML)	

## Một số ví dụ về CSS

- Sử dụng CSS để tạo menu, Tab

## Tham khảo

- <http://www.w3schools.com/css/default.asp>



## Firefox Add-ons: **Web Developer 1.1.6**

- <https://addons.mozilla.org/en-US/firefox/addon/60>
- Công cụ sử dụng để xem các thông tin của một trang web:
  - Cookies
  - Images
  - Forms
  - **CSS**
  - ...

# Q & A